

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CH S
TỈNH G L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/DS-ST

Ngày: 07/9/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CH S, TỈNH G L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình H.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nay H'Ch.

2. Bà Đỗ Thị Gi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đình Thị Y, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L tham gia phiên tòa:
Bà Đậu Thị Thanh X, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 41/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2020/QĐST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần B Đ L V.

Địa chỉ: Tòa nhà Capital T, số 109 Trần Hưng Đ, phường C N, quận H K, thành phố H N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần B Đ L V.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần B Đ L V – Chi nhánh tỉnh G L-Phòng giao dịch Ch S.

Địa chỉ: Số 783 H V, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L.

(Theo văn bản ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017 của ông Phạm Doãn S - Tổng giám đốc và Văn bản ủy quyền số 15/2020/UQ-LienViet PostBank.GL ngày 20/02/2020 của ông Nguyễn Tấn Ngh – Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần B Đ L V – Chi nhánh tỉnh G L). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn T K B, xã Al B, huyện Ch S, tỉnh G L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần B Đ L V ông Phạm Văn T trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số HDTD6522019050 ký ngày 22 tháng 01 năm 2019, ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị Thanh Th vay vốn tại Ngân hàng TMCP B Đ L V – Chi nhánh G L - PGD Ch S theo sản phẩm “Cho vay phát triển nông nghiệp nông thôn”, số tiền cho vay: 200.000.000 đồng, mục đích cho vay: Bổ sung chi phí đầu tư mua bán phụ tùng xe máy, sửa chữa xe máy các loại và mua sắm vật dụng gia đình; thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày bên vay nhận nợ lần đầu tiên ngày 22/01/2019, lãi suất vay tại thời điểm nhận nợ: 11,5%/năm, áp dụng lãi suất theo phương thức thay đổi trong hợp đồng cho vay, việc điều chỉnh lãi suất ngân hàng phải báo bằng văn bản cho bên vay, tiền lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, theo hợp đồng thế chấp số 04/04/17/LPB.CS công chứng ngày 04/7/2017, ông Th và bà Th đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 06, có diện tích là 5767m², tại địa chỉ: xã Al B, huyện Ch S, tỉnh G L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 702680 do Ủy ban nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L cấp ngày 30/12/1999 cho ông Phạm Văn Th. Hợp đồng thế chấp trên đã được đăng ký thế chấp ngày 04/4/2017 tại văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G L - Chi nhánh huyện Ch S.

Trong quá trình vay, ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị Thanh Th đã không thực hiện đúng cam kết trả nợ cụ thể như sau:

+ Ông Th và bà Th đã đóng lãi từ ngày 22/01/2019 đến ngày 25/04/2019 với số tiền lãi: 5.863.562 đồng.

+ Từ ngày 25/4/2019 đến thời điểm hiện tại, ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị Thanh Th không thanh toán đầy đủ gốc lãi theo đúng cam kết trả nợ và không có thái độ hợp tác với Ngân hàng.

Theo Hợp đồng tín dụng đã ký ông Th và bà Th phải thanh toán lãi vào ngày 25 hàng tháng. Tuy nhiên kỳ thanh toán lãi ngày 25/05/2019 ông bà không thanh toán lãi cho Ngân hàng. Đồng thời, kỳ hạn trả nợ gốc chia làm 4 kỳ: tháng 01/2020, tháng 01/2021, tháng 01/2022, tháng 01/2023, mỗi kỳ trả 50.000.000 đồng; kỳ thanh toán gốc đầu tiên là ngày 22/01/2020 ông Th, bà Th không thanh toán cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Từ khi khách hàng vi phạm, Ngân hàng đã tiến hành thông báo nợ quá hạn và làm việc trực tiếp với ông Th và bà Th nhiều lần, ông bà đã nhận được thông báo nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân Hàng TMCP B Đ L V – Chi nhánh G L – PGD Ch S theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký.

Ngân hàng TMCP B Đ L V – Chi nhánh G L – phòng giao dịch Ch S yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ch S giải quyết buộc ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị Thanh Th phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng số tiền là: 235.798.769 đồng, [trong đó: nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi: 35.798.769 đồng (nợ lãi trong hạn: 28.347.780 đồng, nợ lãi quá hạn: 5.482.192 đồng, lãi chậm trả lãi: 1.968.797 đồng)].

Đối với bị đơn ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị Thanh Th: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông bà đều vắng mặt, không đến Tòa án trình bày lời khai, không tham gia hòa giải mà không có lý do. Ông bà không có yêu cầu phản tố hay cung cấp tài liệu chứng cứ gì để Hội đồng xét xử xem xét.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch S: Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Đối với Nguyên đơn - Ngân hàng thương mại cổ phần B Đ L V chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật; Đối với bị đơn ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị Thanh Th không thực hiện đúng theo Giấy triệu tập của Tòa án là không tuân thủ quy định của pháp luật, gây khó khăn cho công tác giải quyết án của Tòa án và cũng không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án. Về phần nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị Thanh Th phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần B Đ L V thông qua Phòng giao dịch Ch S thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần B Đ L V - Chi nhánh G L số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 07/9/2020 là: 235.798.769 đồng, [trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi: 35.798.769 đồng (nợ lãi trong hạn: 28.347.780 đồng, nợ lãi quá hạn: 5.482.192 đồng, lãi chậm trả lãi: 1.968.797 đồng)]. Trường hợp ông Th và bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Buộc ông Th và bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 27/02/2020, nguyên đơn - Ngân hàng thương mại cổ phần B Đ L V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn với bị đơn ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị Thanh Th có địa chỉ tại thôn T K B, xã Al B, huyện Ch S, tỉnh G L. Phía nguyên đơn và phía bị đơn đều không cung cấp được giấy phép đăng ký kinh doanh của phía bị đơn. Xét thấy hình thức, nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ch S, tỉnh GL. Mặt khác, Hợp đồng tín dụng số

HDTD6522019050 ký ngày 22/01/2019 là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có lãi, đến hạn trả nợ Ngân hàng đã thông báo nhiều lần, nhưng ông Th và bà Th vẫn không trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo thỏa thuận nên Ngân hàng mới khởi kiện đòi lại số tiền cho vay và tiền lãi là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 465 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn. Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện nhiều lần triệu tập hợp lệ, nhưng phía bị đơn là ông Th và bà Th vẫn cố tình không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đến nhà tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo và quyết định xem xét thẩm định tại chỗ nhưng đương sự từ chối nhận văn bản; đồng thời qua xác minh tại nơi cư trú, chính quyền địa phương cho biết ông bà có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa phương. Hiện nay ông bà cư trú không ổn định, có đi về nhưng không xác định được cụ thể thời điểm trở về nên Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Xét thấy việc chấp hành pháp luật của ông Th và bà Th như vậy là không nghiêm túc thể hiện thái độ coi thường pháp luật, ý thức không tôn trọng pháp luật của một công dân trong xã hội. Do ông Th và bà Th không đến Tòa án nên không lấy lời khai, không tiến hành hoà giải được và Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời phía bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án sẽ căn cứ vào chứng cứ thu thập được giải quyết theo luật định.

[3] Xét thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, nên miễn xét.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền là: 235.798.769 đồng [Trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi: 35.798.769 đồng (nợ lãi trong hạn: 28.347.780 đồng, nợ lãi quá hạn: 5.482.192 đồng, lãi chậm trả lãi: 1.968.797 đồng, lãi tính từ ngày 25/4/2019 cho đến ngày 07/9/2020)] và lãi phát sinh đến khi thi hành án xong, thấy:

Xét về hiệu lực của hợp đồng tín dụng số HDTD6522019050 ký ngày 22/01/2019 và số tiền phải trả: Đây là loại hợp đồng tín dụng, khi tham gia giao kết hợp đồng các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, do đó, hợp đồng có hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết.

Theo hợp đồng tín dụng số HDTD6522019050 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6522019050/01 đã ký kết ngày 22/01/2019, ông Th và bà Th có vay và nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng của Ngân hàng Thương mại cổ phần B Đ L V, mục đích cho vay: bổ sung chi phí đầu tư mua bán phụ tùng xe máy, sửa chữa xe máy các loại và mua sắm vật dụng gia đình; thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày bên vay nhận nợ lần đầu tiên ngày 22/01/2019, lãi suất vay tại thời điểm nhận nợ: 11,5%/năm, tiền lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng, áp dụng lãi suất theo phương thức lãi suất định kỳ thay đổi trong thời hạn cho vay, cụ thể lãi suất được điều chỉnh

định kỳ 03 tháng/lần, khi điều chỉnh lãi Ngân hàng phải thông báo cho bên vay bằng văn bản theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, nếu bên vay chậm trả gốc hoặc lãi thì phải chịu lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Trong quá trình thực hiện quan hệ tín dụng, thời gian từ 22/01/2019 đến ngày 25/4/2019, ông Th và bà Th thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán lãi theo thỏa thuận. Tuy nhiên, từ 25/4/2019 đến nay, ông Th và bà Th không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng, Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, thông báo yêu cầu ông bà trả nợ nhưng ông bà vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng như thỏa thuận. Cụ thể:

Đối với khoản nợ gốc: Theo hợp đồng tín dụng trên, ông Th và bà Th vay của Ngân hàng 200.000.000 đồng, hiện còn nợ Ngân hàng 200.000.000 đồng.

Đối với số nợ lãi: Theo thỏa thuận giữa các bên, ông Th và bà Th phải thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng vào ngày 25 hàng tháng, nhưng kể từ ngày 25/4/2019 cho đến nay ông Th bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi, đồng thời đến ngày 22/01/2020 ông bà không trả nợ tiền gốc của kỳ đầu tiên là 50.000.000 đồng, nên Ngân hàng chuyển số nợ gốc là 50.000.000 đồng sang nợ quá hạn kể từ ngày 22/01/2020.

Theo thỏa thuận, lãi trong hạn tại thời điểm vay là 11,5%/năm, lãi quá hạn: 150% của lãi suất trong hạn; lãi suất được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng, ngày 22/4/2019 lãi trong hạn điều chỉnh thành 11,7% và ngày 22/01/2020 lãi trong hạn được điều chỉnh thành 11,6%, cả hai lần điều chỉnh lãi Ngân hàng đã thông báo bằng văn bản cho ông Th, bà Th được biết và ông Th có ký xác nhận; lãi suất nợ lãi chậm trả từ ngày 22/01/2020 đến ngày 07/9/2020 là 10%/năm trên số tiền lãi của số nợ gốc trong hạn.

Ngày bị đơn dừng trả nợ lãi là ngày 25/4/2019 (còn ngày vi phạm nghĩa vụ trả lãi là ngày 25/5/2019), ngày vi phạm trả nợ gốc của kỳ đầu tiên đối với số tiền 50.000.000 đồng là ngày 22/01/2020. Do đó, từ ngày 25/4/2019 đến 21/01/2020 tính lãi trong hạn của số tiền 200.000.000 đồng với mức lãi suất 11,7%; từ ngày 22/01/2020 đến 07/9/2020 tính lãi trong hạn của số tiền 150.000.000 đồng với mức lãi suất 11,6%; lãi chậm trả lãi với mức lãi suất 10%/năm trên tổng số tiền lãi trong hạn sau khi đã trừ đi số tiền lãi trong hạn mà bị đơn đã trả là 5.863.562đ; từ ngày 22/01/2020 đến 07/9/2020 tính lãi quá hạn của tiền gốc đã vi phạm là 50.000.000 đồng với mức lãi suất là 17,4%/năm (150% lãi trong hạn).

Trên cơ sở lời khai, bản kê tính lãi và sao kê tài khoản do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp thì tổng cộng lãi tính từ ngày vay 22/01/2019 đến ngày 07/9/2020 là 41.662.331 đồng, nhưng ông Th và bà Th đã trả cho Ngân hàng được 5.863.562 đồng tiền lãi trong hạn. Như vậy, ông Th và bà Th còn nợ Ngân hàng tiền lãi là: 35.798.769 đồng (trong đó: lãi trong hạn là 28.347.780 đồng, lãi quá hạn là: 5.482.192 đồng, lãi chậm trả lãi là 1.968.797 đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn không phản đối các yêu cầu này của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa khẳng định phía bị đơn có nợ nguyên đơn tiền vay gốc là 200.000.000 đồng và nợ lãi 35.798.769 đồng

(trong đó: lãi trong hạn là 28.347.780 đồng, lãi quá hạn là: 5.482.192 đồng, lãi chậm trả lãi là 1.968.797 đồng).

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Th và bà Th phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B Đ L V thông qua Phòng giao dịch Ch S thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần B Đ L V - Chi nhánh G L số nợ gốc 200.000.000 đồng và nợ lãi 35.798.769 đồng (trong đó: lãi trong hạn là 28.347.780 đồng, lãi quá hạn là: 5.482.192 đồng, lãi chậm trả lãi là 1.968.797 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/9/2020) cho đến khi thi hành án xong, ông Th và bà Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn:

Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04/04/17/LPB.CS được công chứng ngày 04/7/2017 tại Văn phòng công chứng Nguyễn V, ông Th và bà Th đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản sau: Toàn bộ quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 06, tại địa chỉ: thôn T KB, xã Al B, huyện Ch S, tỉnh G L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 702680 do Ủy ban nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L cấp ngày 30/12/1999 cho ông Phạm Văn Th. Qua xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 27/5/2020, Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ xác định tài sản thế chấp trên được cấp đúng vị trí, đúng số tờ bản đồ, số thửa đất, hình thể, kích thước và diện tích thửa đất phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất được sử dụng ổn định, có hàng rào ranh giới rõ ràng và không tranh chấp với bên thứ ba.

Xét thấy, hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp nêu trên phù hợp với quy định tại các Điều 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322 và Điều 333 của Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập.

Bên thế chấp dùng tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ gốc, lãi và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác để bảo đảm cho khoản vay tại hợp đồng tín dụng số HDTD6522019050 ký ngày 22/01/2019. Theo quy định tại khoản 6 Điều 320 và khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Dân sự thì trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên thế chấp phải giao tài sản thế chấp để xử lý. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại hợp đồng tín dụng số HDTD6522019050 ký ngày 22/01/2019 để thu hồi nợ khi ông Th và bà Th không trả hết nợ cho nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ : Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí này, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên cần buộc bị đơn là ông Th và bà Th phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền 3.000.000 đồng cho nguyên đơn là phù hợp với các Điều 155, 156, 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Th và bà Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần B Đ L V thông qua Phòng giao dịch Ch S thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần B Đ L V - Chi nhánh G L

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 70; 91; 92; 144; 147; 155, 156, 157; 207; 208; 210; 227; 228; 235; 264; 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 116; 117, 274, 275, 280, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 357, 463, 465, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 ;

- Áp dụng các Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Ngân hàng Thương mại Cổ phần B Đ L V và xử:

1. Buộc ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị Thanh Th có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B Đ L V thông qua Phòng giao dịch Ch S thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần B Đ L V - Chi nhánh G L tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 07/9/2020 là 235.798.769 (hai trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng), (trong đó: nợ gốc là 200.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 28.347.780 đồng, lãi quá hạn là: 5.482.192 đồng, lãi chậm trả lãi trong hạn là 1.968.797 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/9/2020) cho đến khi thi hành án xong, ông Th và bà Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trường hợp ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị Thanh Th không thực hiện nghĩa vụ trả số nợ trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản mà ông Th và bà Th đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04/04/17/LPB.CS được công chứng ngày 04/7/2017 là: quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 06, tại địa chỉ: thôn T K B, xã Al B, huyện Ch S, tỉnh G L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 702680 do UBND huyện Ch S, tỉnh G L cấp ngày 30/12/1999 cho ông Phạm Văn Th để thu hồi nợ.

3. Khi ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị Thanh Th thanh toán xong các khoản nợ thì nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại cho ông Th 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 702680 do Ủy ban nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L cấp ngày 30/12/1999 cho ông Phạm Văn Th.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên phía bị đơn phải chịu, nhưng nguyên đơn đã nộp tạm ứng để chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, nay chuyển thành chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do đó, buộc ông Th và bà Th phải hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B Đ V thông qua Phòng giao dịch Ch S thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần B Đ L V - Chi nhánh G L số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền chi phí xem xét , thẩm định tại chỗ, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án của số tiền này theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về án phí:

Buộc ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 11.789.938 đồng = (235.798.769đ x 5%) để sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B Đ L V thông qua Phòng giao dịch Ch S thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần B Đ L V - Chi nhánh G L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.485.100 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002786 ngày 04/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch S, tỉnh G L.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/9/2020); Bị đơn ông Th và bà Th vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G L xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G L;
- VKSND huyện Chi S;
- Các đương sự;
- Thi hành án DS huyện Ch S;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**